

CHĂN NUÔI GÀ ĐÔNG TẢO TẠI CÁC NÔNG HỘ
HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Lê Thị Thắm^{1*}, Ngô Xuân Thái¹, Vũ Văn Thắng¹,
Nguyễn Văn Duy², Lê Thị Hiệp², Đỗ Thị Huệ²,
Đoàn Văn Soạn³, Vũ Đình Tôn² và Đặng Vũ Bình²

Ngày nhận bài báo: 20/09/2015 - Ngày nhận bài phản biện: 30/09/2015
Ngày bài báo được chấp nhận đăng: 09/10/2015

TÓM TẮT

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên và Trung tâm Nghiên cứu Liên ngành Phát triển nông thôn (Học viện Nông nghiệp Việt Nam) đã tiến hành khảo sát nhằm đánh giá tình hình chăn nuôi gà Đông Tảo tại huyện Khoái Châu, Hưng Yên. Toàn bộ 105 hộ chăn nuôi gà Đông Tảo là đối tượng khảo sát. Gà Đông Tảo hiện được nuôi tại 94 hộ trong xã Đông Tảo và 105 hộ trong toàn huyện Khoái Châu với tổng số 1.373 trống và 4.299 mái sinh sản. Gần 2/3 số gà này được nuôi tại 2 thôn Đông Tảo Đông và Đông Tảo Nam thuộc xã Đông Tảo. Quy mô trung bình là 14 trống và 42 mái sinh sản/hộ, lớn nhất là 150 trống, 700 mái sinh sản/hộ. Phần lớn các hộ nuôi quy mô nhỏ dưới 50 mái (79,04%), quy mô lớn trên 100 mái chiếm 10,48%. Tuy nhiên, gần 50% số gà trống và mái sinh sản thuộc về các hộ chăn nuôi quy mô lớn. Với mục đích phát triển kinh tế gia đình, các nông hộ chăn nuôi đã sử dụng phương thức chăn nuôi bán chăn thả, tận dụng điều kiện đất vườn nhà, kết hợp các nguồn thức ăn truyền thống (thóc, ngô,...) với thức ăn hỗn hợp. Sản phẩm đầu ra chủ yếu là gà con mới nở với giá 20.000-250.000 đồng/con và gà 1 tháng tuổi với giá 200.000-600.000 đồng/con. Kênh tiêu thụ sản phẩm gà Đông Tảo cho thấy trên thị trường có cả gà Đông Tảo nguyên sản và gà Đông Tảo thuần hoặc lai từ các cơ sở chăn nuôi khác. Gà Đông Tảo đang được khai thác và phát triển một cách khá bền vững.

Từ khoá: Gà Đông Tảo, chăn nuôi nông hộ, xã Đông Tảo.

ABSTRACT

Raising Dong Tao chicken at households in Khoai Chau district, Hung Yen province

Le thi Tham, Ngo Xuan Thai, Vu van Thang,
Nguyen Van Duy, Le Thi Hiep, Do Thi Hue,
Doan Van Soan, Vu Dinh Ton and Dang Vu Binh

Science and Technology Department of Hung Yen province and Interdisciplinary Research and Rural Development Centre (Vietnam National University of Agriculture) have conducted a survey to assess the raising of Dong Tao chicken in Khoai Chau district, Hung Yen. Total of 105 Dong Tao chicken farms as respondents and results showed that Dong Tao chicken was raised at 94 households of Dong Tao commune and 105 households throughout Khoai Chau district with total 1,373 reproductive cocks and 4,299 hens. Nearly 2/3 of chickens were cultured in 2 Eastern Dong Tao and Southern Dong Tao villages of Dong Tao commune. Average production scale was 14 reproductive cocks and 42 hens/household, the largest was 150 cocks, 700 hens. Most livestock farms were smaller than 50 hens (79.04%), large scales more than 100 hens occupied 10.48%. However, nearly 50% of reproductive chickens belong to large-scale farms.

¹Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên

²Trung tâm Nghiên cứu Liên ngành Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

³Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang

* Tác giả để liên hệ: Lê Thị Thắm, Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên, Địa chỉ: Đường An Vũ, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Điện thoại: 01234373758; Email: lethammuanxuan@gmail.com

CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

For the purpose of family economic development, livestock farmers have used semiculture method, family gardens, combining traditional feed sources (rice, corn,...) with compound feed. Output products primarily were newly hatched chicks with prices 20-250 thousand VND/head and about 1 month old chicks with price 200-600 thousand VND/head. Consume channels of Dong Tao chicken products on the market shows both Dong Tao originated from Dong Tao commune and crossbred Dong Tao from other farms chickens. Dong Tao chickens are being exploited and sustainably developed.

Keywords: Dong Tao chicken, livestock household, Dong Tao commune.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong số các giống vật nuôi bản địa, gà Đông Tào từ lâu đã nổi tiếng vì tầm vóc lớn, lông mã đẹp, đặc biệt là cặp chân to hơn hẳn các giống gà khác như gà Hồ, gà Mía,... Năm 1990, gà Đông Tào nằm trong danh sách của Chương trình bảo tồn quỹ gen và là mục tiêu của nhiều nghiên cứu mô tả ngoại hình, theo dõi sinh trưởng phát dục (Trần Công Xuân, 1999; Nguyễn Thị Hoà, 2004; Nguyễn Chí Thành, 2008), đánh giá các chỉ tiêu sinh lý sinh hoá máu (Bùi Đức Lũng và ctv, 2004), xác định cấu trúc gen (Yamamoto và ctv, 1998), trình tự nucleotide đoạn D-loop và khoảng cách di truyền (Nguyen Dang Ton và ctv, 2008).

Sau thành công của Chương trình bảo tồn quỹ gen vật nuôi, gà Đông Tào được khai thác và phát triển không chỉ ở một số địa phương miền Bắc mà cả một số tỉnh phía Nam. Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiện trạng gà Đông Tào đang được nuôi tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, địa phương vốn là nơi nguyên sản của giống gà này.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu

Đàn gà Đông Tào nuôi tại các nông hộ huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp điều tra:

- Thu thập thông tin thứ cấp qua báo cáo, số liệu thống kê của UBND và các xã trong huyện; Phòng Kinh tế huyện Khoái Châu trong khoảng thời gian 3 năm (2012-2014).

- Thông qua Ủy ban nhân dân và cán bộ thống kê các xã trong huyện Khoái Châu, lấy danh sách các hộ nuôi gà Đông Tào trong xã.

- Thành lập tổ điều tra gồm cán bộ Trung tâm Nghiên cứu liên ngành Phát triển Nông thôn của Học Viện Nông nghiệp Việt Nam, Phòng Kinh tế huyện Khoái Châu và cán bộ thống kê của các xã điều tra.

- Trên cơ sở danh sách các hộ nuôi gà Đông Tào do các xã cung cấp, cán bộ điều tra quan sát trực tiếp đàn gà trống và mái sinh sản của các nông hộ này để xác nhận đó là đối tượng điều tra khảo sát. Căn cứ xác nhận chủ yếu dựa vào tầm vóc gà, chi tiết đặc biệt chú ý là kích thước chân gà. Việc đánh giá mức độ thuần của gà Đông Tào không thuộc phạm vi của điều tra này. Tuy nhiên, cán bộ điều tra cũng dễ dàng loại bỏ những trường hợp gà lai, không mang những nét đặc trưng của gà Đông Tào ra khỏi đối tượng điều tra.

Khảo sát, phỏng vấn toàn bộ 105 hộ nuôi gà Đông Tào tại huyện Khoái Châu, Hưng Yên bằng bộ câu hỏi bán cấu trúc.

Sử dụng phần mềm Excel 2007 và Minitab 16 để xử lý các số liệu điều tra thu được.

Thời gian thực hiện: 2013 và 2014.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Số hộ nuôi, số lượng và cơ cấu đàn gà Đông Tào tại các hộ chăn nuôi

Đàn gà Đông Tào tại Khoái Châu được nuôi tại 105 hộ, tập trung chủ yếu tại xã Đông Tào với 94 hộ chăn nuôi chiếm 89,52% tổng số hộ nuôi gà Đông Tào trong toàn huyện (Bảng 1).

Tại xã Đông Tào, gà Đông Tào chủ yếu tập trung tại 2 thôn Đông Tào Đông và Đông Tào Nam. Tỷ lệ hộ nuôi gà Đông Tào tại 2 thôn này chiếm trên 70% số hộ nuôi trong toàn xã và gần 2/3 số hộ nuôi trong toàn huyện. Quy mô đàn gà sinh sản trung bình

CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

trong một hộ là 13,5 gà trống và 42 gà mái sinh sản. Thôn Đông Tảo Đông và Đông Tảo Nam cũng là 2 thôn có quy mô chăn nuôi lớn nhất, trung bình 12-20 gà trống và 30-80 gà mái sinh sản/hộ, quy mô lớn nhất là 700 gà trống sinh sản/hộ (Đông Tảo Nam) và 150 gà trống sinh sản/hộ (Đông Tảo Đông). Tại xã Tân Dân Tiến, tuy chỉ có 4 hộ nuôi gà Đông Tảo, nhưng quy mô chăn nuôi của các hộ này khá

lớn, không thua kém các hộ chăn nuôi ở 2 thôn Đông Tảo Đông và Đông Tảo Nam. Các hộ nuôi gà tại Tân Dân có quan hệ chặt chẽ với người thu mua gà tại xã Đông Tảo và các lò ấp tại xã Yên Hòa, thị trường tiêu thụ con giống được đảm bảo khá tốt là nguyên nhân quy mô chăn nuôi gà Đông Tảo tương đối lớn của các nông hộ tại xã Tân Dân.

Bảng 1. Số hộ nuôi và quy mô chăn nuôi

Xã	Thôn	Số hộ nuôi		Số gà trống sinh sản/hộ (Mean ± SE)	Số gà mái sinh sản/hộ (Mean ± SE)
		Số lượng	Tỷ lệ (%)		
Đông Tảo	Đông Tảo Đông	42	40,00	12,17 ± 3,70	29,83 ± 5,05
	Đông Tảo Nam	25	23,81	20,42 ± 4,58	80,0 ± 29,8
	Đông Kim	22	20,95	8,00 ± 1,83	22,68 ± 4,31
	Dũng Tiến	5	4,76	3,600 ± 0,68	14,00 ± 2,10
Tính chung		94	89,52	12,85 ± 2,14	39,91 ± 8,35
Dạ Trạch		4	3,81	12,00 ± 4,80	37,50 ± 8,54
Bình Minh		3	2,86	10,67 ± 5,21	42,30 ± 29,10
Tân Dân		4	3,81	24,50 ± 7,85	77,50 ± 26,50
Chung toàn huyện		105	100,00	13,50 ± 1,96	42,09 ± 7,55

Bùi Đức Lũng và ctv (2004), điều tra gà Đông Tảo tại xã Đông Tảo năm 1999 cho biết chỉ có duy nhất gia đình cụ Nguyễn Trọng Tấn cùng con trai Nguyễn Trọng Tích nuôi gà Đông Tảo gồm 1 trống và 4 mái có ngoại hình đúng như sách vở đã ghi và các cụ đã kể lại. Rõ ràng, sau nhiều năm thành công của Chương trình bảo tồn quý gen, gà Đông Tảo đã được khai thác phát triển rất mạnh ngay tại nơi nguyên sản của giống gà này. Có tới 71,84% số hộ điều tra khẳng định số lượng gà nuôi đã tăng lên so với 3 năm trước. Chỉ có 18,45% số hộ là duy trì qui mô ổn định qua các năm và 9,71% số hộ giảm qui mô chăn nuôi.

Nguyên nhân của việc tăng qui mô chăn nuôi là do hiệu quả kinh tế từ nuôi gà Đông Tảo, do tích lũy thêm được kinh nghiệm và vẫn còn đủ diện tích đất vườn. Các hộ do hạn chế về số lao động, diện tích vườn, hoặc tuổi đã cao, nguồn vốn hạn hẹp chỉ có thể duy trì hoặc phải giảm qui mô chăn nuôi.

Đàn gà Đông Tảo nuôi tại Khoái Châu tổng số 1.373 trống và 4.299 mái sinh sản. Trong đó, số gà trống và mái sinh sản tại xã Đông Tảo chiếm 87,04 và 86,36% tổng đàn, riêng gà trống và gà mái sinh sản tại 2 thôn Đông Tảo Đông và Đông Tảo Nam chiếm 72,91 và 70,78% tổng đàn (Bảng 2).

Bảng 2. Số lượng và cơ cấu đàn gà Đông Tảo

Xã	Thôn	Gà sinh sản		Gà hậu bị		Gà con	Gà thịt
		Trống	Mái	Trống	Mái		
Đông Tảo	Đông Tảo Đông	511	1.223	969	1.444	2.061	438
	Đông Tảo Nam	490	1.920	993	1187	2.324	312
	Đông Kim	176	499	517	607	706	106
	Dũng Tiến	18	70	48	43	69	0
Cộng		1.195	3.712	2.527	3.281	5.160	856
Dạ Trạch		48	150	95	200	200	0
Bình Minh		32	127	65	50	400	0
Tân Dân		98	310	42	0	1630	140
Chung toàn huyện		1.373	4.299	2.729	3.531	7.390	996

CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Tỷ lệ trống/mái trong đàn sinh sản dao động trong khoảng 1/2,5-4,0. Tỷ lệ trống/mái trong đàn sinh sản cũng như đàn hậu bị khá cao so với các đàn gà thông thường khác. Có 2 lý do giải thích cho hiện tượng này: Thứ nhất là khả năng đập mái của gà trống kém, tỷ lệ ấp nở thấp, tăng tỷ lệ trống/mái nhằm khắc phục tình trạng này và thứ hai là gà trống có ngoại hình đặc trưng, đặc biệt là cặp

chân to, tăng số lượng gà trống nhằm mục đích quảng bá thương hiệu gà Đông Tảo. Số lượng gà con tương đối thấp và luôn biến động là do các hộ chăn thường bán gà giống lúc đạt 1 đến 4 tháng tuổi. Gà thịt là những gà không đủ tiêu chuẩn bán giống, được giữ lại nuôi thịt chủ yếu phục vụ cho tiêu dùng trong nông hộ.

Bảng 3. Phân bố đàn gà theo các quy mô chăn nuôi

	Số hộ chăn nuôi		Gà trống sinh sản		Gà mái sinh sản			
	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Mean ± SE (con)	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)	Mean±SE (con)	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)
Nhỏ	83	79,04	6,29±0,49	522	38,02	18,65±1,18	1548	36,01
Vừa	11	10,48	23,72±3,68	261	19,01	64,82±4,49	713	16,59
Lớn	11	10,48	53,64±11,20	590	49,97	185,27±53,8	2038	47,40

Ghi chú: Quy mô nhỏ: <50 mái sinh sản, quy mô vừa: 50-100 mái sinh sản, quy mô lớn: ≥100 mái sinh sản.

Phân lớn, các hộ nuôi gà Đông Tảo với quy mô nhỏ dưới 50 mái (chiếm 79,04%), quy mô vừa 50-100 mái và quy mô lớn trên 100 mái đều chiếm 10,48% (Bảng 3). Tuy nhiên, các hộ chăn nuôi quy mô lớn lại chiếm một tỷ lệ cao nhất về số lượng gà mái và trống sinh sản trong toàn đàn, tương ứng là 49,97 và 47,40%. Như vậy, với số đầu gà trống và mái

sinh sản trung bình tương ứng là 54 và 185 con/hộ, tuy chỉ có 11 hộ chăn nuôi quy mô lớn, nhưng hiện đang nuôi giữ gần một nửa số gà mái và trống sinh sản trong toàn huyện Khoái Châu.

3.2. Phương thức, chuồng trại và kỹ thuật chăn nuôi

Bảng 4. Phương thức và chuồng trại chăn nuôi

Chi tiêu	Số hộ	Tỷ lệ (%)	
Phương thức chăn nuôi	Nuôi nhốt	2	1,90
	Bán chăn thả	103	98,10
	Tận dụng	27	25,72
Kiểu chuồng	Bán kiên cố	1	0,95
	Kiên cố	77	73,33

Phân lớn các hộ áp dụng phương thức bán chăn thả: gà được nuôi thả trong vườn nhưng vẫn có chuồng để ngủ và tránh mưa, tránh rét. Gà Đông Tảo là giống gà địa phương, vốn thích hợp với phương thức chăn thả tự nhiên. Tuyệt đại bộ phận các hộ nuôi gà đều có diện tích vườn khá rộng, nền đất cao, trồng nhiều cây trái, vườn chăn thả mát mẻ, thoáng đãng. Chỉ có 2 hộ chăn nuôi áp dụng phương thức nhốt hoàn toàn là do các hộ này không có vườn chăn thả gà. Các

hộ chăn nuôi gà Đông Tảo rất chú trọng đến việc đầu tư làm chuồng nuôi và trang thiết bị chăn nuôi (quạt thông gió, đèn sưởi,...). Phân lớn chuồng nuôi đều được xây dựng kiên cố (chiếm 73,33% tổng số hộ điều tra), tường xây bao quanh nhà, lưới B40 quay quanh vườn. Ngoài ra, cũng có những hộ tận dụng chuồng lợn cũ hay làm chuồng tre, chuồng sắt ở ngoài vườn với tỷ lệ nhỏ hơn 25,71%, tỷ lệ hộ có chuồng trại dạng tận dụng chiếm 0,95%.

CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Gà dưới 1 tháng tuổi được cho ăn hoàn toàn bằng thức ăn công nghiệp với 2 cách cho ăn là cho ăn tự do (62% tổng số hộ điều tra) và cho ăn theo bữa (3-4 lần/ngày chiếm 38% tổng số hộ điều tra). Gà từ 1 đến 2 tháng tuổi cũng được nuôi chủ yếu bằng thức ăn công nghiệp (98%). Ngoài thức ăn công nghiệp, một vài hộ chăn nuôi đã bổ sung thêm ngô và thóc tẻ. Cách cho ăn chuyển từ cho ăn tự do thành cho ăn một số lần trong ngày. Khẩu phần ăn cho gà giai đoạn từ 3 tháng tuổi tới lúc sinh sản của các hộ chăn nuôi khá đa dạng, trong đó chủ yếu là ngô và thóc, tỷ lệ các hộ chăn nuôi sử dụng thức ăn hỗn hợp chỉ còn 60% và sử

dụng thức ăn đậm đặc chỉ là 4,76%. Cách cho ăn trong giai đoạn này chủ yếu là cho ăn 2 lần/ngày. Gà sinh sản tại các hộ chăn nuôi được nuôi chủ yếu bằng thóc, tỷ lệ các hộ sử dụng thức ăn hỗn hợp, ngô để nuôi gà trong giai đoạn này chỉ là 50%. Gà giai đoạn từ 3 tháng tuổi trở đi cũng như giai đoạn sinh sản được thả trong vườn tù sáng tới tối có thể tự tìm kiếm thêm các nguồn thức ăn bổ sung, tuy nhiên một số ít hộ chăn nuôi cũng cho gà ăn thêm rau và cơm thừa của sinh hoạt gia đình. Số lần cho ăn trong ngày của giai đoạn gà sinh sản cũng tương tự như đối với gà từ 3 tháng tuổi trở lên, chủ yếu là 2 lần/ngày.

Bảng 5. Các loại thức ăn và cách cho ăn

Loại thức ăn và cách cho ăn (% số hộ chăn nuôi sử dụng)	Các giai đoạn nuôi			Sinh sản	
	Từ mới nở đến 1 tháng tuổi	Từ 1 đến 2 tháng tuổi	Từ 3 tháng tuổi đến sinh sản		
Loại thức ăn	Thức ăn hỗn hợp	100,00	98,10	60,00	50,48
	Thóc		4,76	72,38	97,14
	Ngô		3,81	71,43	50,48
	Cám gạo			0,95	0,95
	Thức ăn đậm đặc			4,76	
	Rau			3,81	3,81
	Com				0,95
Cách cho ăn	Tự do	61,90			
	2 lần/ngày		40,00	81,55	79,41
	≥3 lần/ngày	38,10	60,00	18,45	20,59

Rất nhiều hộ ở Đông Tảo cho rằng gà trống và mái ăn nhiều thức ăn công nghiệp sẽ đẻ kém, vỏ trứng mỏng và nhanh bị loại thải hơn so với gà nuôi bằng ngô, thóc. Cá biệt, có hộ còn cho rằng nên cho gà mái ăn nhiều thóc hơn vì nếu ăn ngô nhiều gà dễ bị béo dẫn đến đẻ kém. Cách chế biến thức ăn trong các hộ chăn nuôi cũng khá đa dạng: một số hộ sử dụng ngô, thóc sống và nguyên hạt, một số hộ khác lại sử dụng ngô nghiền, thóc ngâm, thóc này mầm, thậm chí có hộ còn nấu chín các loại thức ăn trên.

3.3. Mục đích, sản phẩm và kênh tiêu thụ thịt gà

Với câu hỏi và trả lời định sẵn các trả lời về mục đích và sản phẩm chính của chăn

nuôi gà Đông Tảo, nuôi gà Đông Tảo, số hộ và tỷ lệ lựa chọn câu trả lời trong số 105 hộ điều tra được nêu trong bảng 6. Hầu hết các hộ chăn nuôi gà Đông Tảo với mục đích chính là kinh tế, chiếm tỷ lệ 99,1% số hộ điều tra. Các mục đích khác đóng vai trò ít quan trọng hơn trong quyết định sản xuất của người chăn nuôi: vì sở thích (28,6%), vì mong muốn bảo tồn con giống địa phương (17,1%) hoặc vì muốn tiếp tục công việc của thế hệ trước (7,6%). Cũng theo kết quả điều tra, sản phẩm chăn nuôi gà Đông Tảo chủ yếu là gà con để bán (90,5%), gà thịt hoặc trứng để bán chiếm tỷ lệ thấp hơn (tương ứng là 37,1 và 13,3%).

CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Bảng 6. Mục đích của người chăn nuôi

Lý do và mục đích chăn nuôi	Số hộ lựa chọn câu trả lời	Tỷ lệ (%)	
Mục đích chăn nuôi	Kinh tế	104	99,05
	Sở thích	30	28,57
	Bảo tồn giống	18	17,14
	Truyền thống	8	7,62
	Bán gà con	95	90,48
Sản phẩm chính	Nuôi lấy thịt	39	37,14
	Nuôi bán trứng	14	13,33

Lấy hiệu quả kinh tế làm mục đích chăn nuôi là nguyên nhân phát triển mạnh mẽ chăn nuôi gà Đông Tảo tại Khoái Châu, Hưng Yên. Thực tế này trái ngược với tình hình chăn nuôi gà Hồ tại Thuận Thành, Bắc Ninh. Các hộ nuôi gà Hồ ở Thuận Thành chủ yếu muốn giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương, mục đích kinh tế chỉ là thứ yếu. Theo Nguyễn Văn Duy (2013), số lượng gà Hồ nuôi tại thị trấn Hồ chỉ là 105 gà trống và 216 gà mái sinh sản. Trên cơ sở các dữ liệu

điều tra các nông hộ nuôi gà Hồ ở thị trấn Hồ, Thuận Thành, Bắc Ninh và các nông hộ nuôi gà Đông Tảo ở xã Đông Tảo, Khoái Châu, Hưng Yên, Đào Thị Hiệp (2013) cho biết: thu nhập của 1 lao động đối với hộ nuôi gà Đông Tảo là 187,33 triệu đồng/năm, trong khi đó hộ nuôi gà Hồ chỉ là 13,37 triệu đồng/năm. Các số liệu thu được trong bảng 7 giải thích cho lý do mà người chăn nuôi lựa chọn sản phẩm của mình để bán ra thị trường.

Bảng 7. Giá bán các loại sản phẩm

Chỉ tiêu	TB ± SE	Thấp nhất	Cao nhất
Giá bán gà con mới nở (nghìn đồng/con)	93,02 ± 5,40	20	250
Giá bán gà con 1 tháng (nghìn đồng/con)	194,40 ± 12,00	97	600
Giá bán gà thịt (nghìn đồng/kg)	261,50 ± 11,60	100	400

Gà con thường được người mua lựa chọn theo 3 loại dựa theo kích thước chân: loại chân lớn, chân vừa và chân nhỏ. Gà có chân càng lớn, giá bán càng cao và ngược lại. Giữa các hộ chăn nuôi có một sự chênh lệch rất lớn về giá bán gà con. Các hộ nuôi với quy mô lớn, đã chăn nuôi nhiều năm, có đàn gà sinh sản mẫu mã đẹp, có nhiều khách hàng thường bán được giá rất cao. Các hộ mới chăn nuôi, quy mô nhỏ, chưa có nhiều người mua, thuộc các xã khác ngoài xã Đông Tảo chỉ bán được giá thấp cho khách mua trực tiếp, bán cho thương lái, hoặc bán trứng cho các lò ấp. Tại xã Đông Tảo, trung bình mỗi thôn có 2 hộ trang bị máy ấp cỡ nhỏ. Các máy ấp này ấp trứng đàn gà của gia đình, ấp gia công cho các hộ nuôi gà khác và mua trứng để ấp kinh doanh.

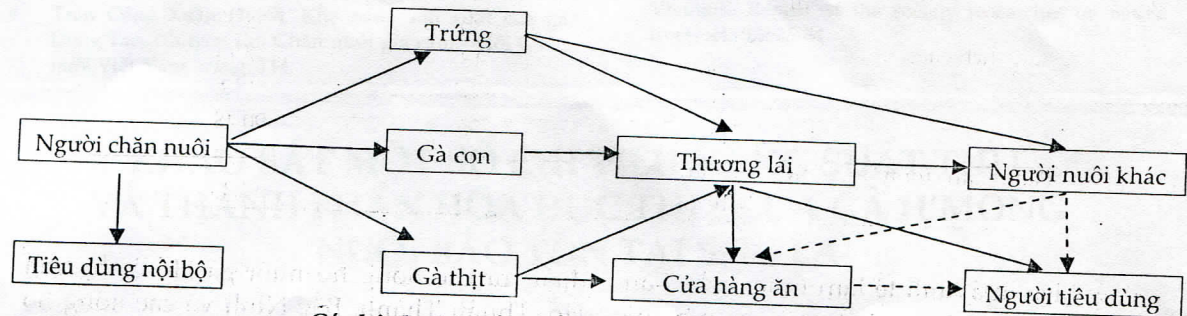
Với các nguyên nhân trên, chênh lệch giữa các hộ chăn nuôi về giá cao nhất và thấp nhất đối với gà con mới nở tới hơn 10 lần, đối với giá gà 1 tháng tuổi khoảng 6 lần. Xây dựng thương hiệu dưới các hình thức làm biển quảng cáo, lập Website (có trên 30 hộ chăn nuôi lập biển quảng cáo hoặc có trang Website), tạo khu vực trưng bày đàn gà sinh sản, in danh thiếp,... được rất nhiều hộ chăn nuôi gà Đông Tảo áp dụng.

Gà Đông Tảo nuôi thịt có giá bán cao nhất khi người mua có nhu cầu làm quà biếu, đặc biệt là vào dịp tết Nguyên Đán. Gà thịt cũng được bán cho các nhà hàng với giá cao hơn các loại gà nội khác. Cá biệt đã có khách mua một cặp gà với giá cao đáng ngạc nhiên với mục đích chỉ để thưởng thức đặc sản rất

CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

đặc biệt này. Theo Hải Dương (2012), Phá vỡ tất cả những kỉ lục trước, đôi trống mái gà Đông Tào của gia đình ông Hiệu (xóm Trung

Đình, thôn Đông Tào) lại làm rung động vùng quê khi đạt mức 70 triệu đồng.



Các kênh chủ yếu tiêu thụ sản phẩm gà Đông Tào

Ghi chú: đường không liền nét thể hiện gà không còn xuất xứ tại Đông Tào, Khoái Châu nữa.

Hình trên mô tả các kênh chủ yếu tiêu thụ gà Đông Tào. Gà con có thể bán trực tiếp cho người chăn nuôi khác. Những người chăn nuôi này có thể chỉ nuôi làm cảnh, tiếp tục nhân giống thuần hoặc lai với các giống gà khác và bán sản phẩm vào thị trường. Với kênh tiêu thụ trên, gà Đông Tào đang được khai thác và phát triển một cách khá bền vững.

đồng/con và gà khoảng 1 tháng tuổi với giá 200.000-600.000 đồng/con.

Kênh tiêu thụ sản phẩm gà Đông Tào cho thấy trên thị trường tiêu thụ có cả gà Đông Tào nguyên sản và gà Đông Tào thuần hoặc lai từ các cơ sở chăn nuôi khác. Gà Đông Tào đang được khai thác và phát triển một cách khá bền vững.

4. KẾT LUẬN

Gà Đông Tào hiện được nuôi nguyên sản tại 94 hộ xã Đông Tào và 105 hộ trong toàn huyện Khoái Châu, với tổng số 1.373 trống và 4.299 mái sinh sản. Gần 2/3 số gà này được nuôi tại 2 thôn Đông Tào Đông và Đông Tào Nam thuộc xã Đông Tào. Quy mô chăn nuôi trung bình là 14 trống và 42 mái sinh sản/hộ, quy mô lớn nhất là 150 trống, 700 mái sinh sản/hộ. Phần lớn các hộ nuôi quy mô nhỏ dưới 50 mái (chiếm 79,04%), quy mô vừa 50-100 mái và quy mô lớn trên 100 mái đều chiếm 10,48%. Tuy nhiên, gần 50% số gà trống và mái sinh sản thuộc về các hộ chăn nuôi quy mô lớn.

Với mục đích phát triển kinh tế gia đình, các nông hộ chăn nuôi đã sử dụng phương thức chăn nuôi bán chăn thả, tận dụng điều kiện đất vườn nhà, kết hợp các nguồn thức ăn truyền thống (thóc, ngô,...) với thức ăn hỗn hợp. Sản phẩm đầu ra chủ yếu là gà con mới nở với giá 20.000-250.000

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Duy (2013), Khả năng sinh sản của gà Hồ nuôi trong nông hộ tại huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, Luận văn Thạc sĩ Chăn nuôi, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
2. Hải Dương (2012), Kỳ lục: 70 triệu đồng một đôi gà Đông Tào, <http://dantri.com.vn/kinh-doanh/ky-luc-70-trieu-dong-mot-doi-ga-dong-tao-1334499409.htm>. Truy cập ngày 20/8/2015.
3. Dao Thi Hiep (2013), Production efficiency and consumption of some local chicken breeds: The case study of Ho and Dong Tao chickens, Master thesis in International Master in Rural Economics and Sociology, Hanoi University of Agriculture and University of Liège.
4. Nguyễn Thị Hoà (2004), Nghiên cứu đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất và bảo tồn quỹ gen giống gà Đông Tào, Hội nghị bảo tồn quỹ gen vật nuôi 1990-2004, Viện Chăn nuôi. Trang: 98-107.
5. Bùi Đức Lũng, Vũ Thị Hưng và Lê Đình Lương (2004), Báo cáo nuôi giữ quỹ gen gà Đông Tào, Hội nghị bảo tồn quỹ gen vật nuôi 1990-2004, Viện Chăn nuôi. Trang: 107-123.
6. Nguyễn Chí Thành (2008), Đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của các giống gà nội Ri, Hồ, Đông Tào, Mía, Ác, H'Mông, Chọi, Luận văn thạc sĩ nông nghiệp, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

động

- 7. Nguyen Dang Ton, Dich Thi Kim Huong, Vu Hai Chi, Huynh Thu Hue, Le Thi Thuy and Nong Van Hai (2008), Polymorphism of mitochondrial and DNA control (D-loop) region in four Vietnamses chicken breeds, 13th AAAP Animal Sciences Congress Hanoi - Vietnam, September 22-26, 2008.
- 8. Trần Công Xuân (1999), Khả năng sản xuất của gà Đông Tào, Chuyên san Chăn nuôi gia cầm - Hội Chăn nuôi Việt Nam, trang: 114.
- 9. Yamamoto Y., Amano T., Namikawa T., Tsunoda K., Okabayashi H., Hata H., Nozawa K., Nishida T., Yamagata T., Isobe N., Kugori K., Tanaka K., Chau Ba Loc, Ho Van Son, Vo Tong Xuan, Nguyen Huu Nam Ha Quang Hung, Vu Duy Giang and Dang Vu Binh (1998), Gen-constitution of Native Chickens in Vietnam. Report of the society researches on native livestock, 16: 75-84.

ôi khác

u dùng

với giá

ng Tào
ó cả gà
o thuần
à Đông
iến một

của gà Hồ
h tỉnh Bắc
ng Đại học

một đôi gà
/ky-luc-70-
.htm.

ciency and
s: The case
er thesis in
mics and
ulture and

điểm sinh
n giống gà
nuôi 1990-

ình Lương
ng Tào, Hội
Viện Chăn

oại hình và
i, Hồ, Đông
ạc sỹ nông

KHẢO SÁT MỘT SỐ CHỈ TIÊU NĂNG SUẤT THỊT VÀ THÀNH PHẦN HÓA HỌC THỊT CỦA GÀ H'MÔNG NUÔI BẢO TỒN TẠI SƠN LA

Vũ Thị Đức^{1*}, Dương Thị Anh Đào² và Vũ Ngọc Sơn³

Ngày nhận bài báo: 25/10/2015 - Ngày nhận bài phản biện: 04/11/2015
Ngày bài báo được chấp nhận đăng: 16/11/2015

TÓM TẮT

Gà H'Mông là một nguồn gen bản địa quý của tỉnh Sơn La. Một nghiên cứu được tiến hành từ tháng 9/2014 đến tháng 10/2015 tại Trường Đại học Tây Bắc và Viện Chăn nuôi nhằm khảo sát năng suất và chất lượng thịt gà đen H'Mông nuôi bảo tồn tại tỉnh này. Kết quả cho thấy: Gà H'Mông lúc 13 tuần tuổi có khối lượng 1159,33-1374,33 g; tỷ lệ thịt mót hàm, thân thịt, thịt đùi, thịt lườn và tỷ lệ mỡ bụng : 76,46-79,04%; 72,48-74,09%; 20,4-21,57%; 16,33-18,27% và 0,86- 0,55%. Thành phần hóa học thịt gà đen H'Mông lúc 15 tuần tuổi có hàm lượng acid glutamic cao (3,58%); tỷ lệ mỡ thô thấp (0,23%), protein tổng số thấp (18,61%). Thành phần hóa học thịt gà đen H'Mông lúc 40 tuần tuổi ở các công thức thí nghiệm giữa gà mái và gà trống không khác nhau về hàm lượng nước, protein thô, mỡ thô và tro (P>0,05). Cụ thể của TN2-CT1 là 74,05-76, 40%; 21,55-20, 38%; 2,19-0,92%; 1,07-1,04%; của TN2-CT2 là 74,85-75, 63%; 20,85-21,42%; 1,67-0,68%; 1,04-1,05%. Một số acid amin chiếm tỷ lệ tương đối cao: Glycine (2,58%), Leucine (2,19%), Lysine* (2,23), Proline (2,1%), Alanine (2,63%). Điều này cho thấy thịt gà H'Mông có giá trị dinh dưỡng cao.

Từ khóa: gà H'Mông, năng suất thịt, thành phần hóa học của thịt.

ABSTRACT

The meat yield and chemical compositions of meat of black H'Mong's chickens reared under conservation conditions in Son La

Vu Thi Duc, Duong Thi Anh Dao and Vu Ngoc Son

The black H'mong's chicken (thenceforth as "the chickens") is a rare indigenous genetic resource of Son La province. A study was carried out at the North-West University and the National Institute of Animal Husbandry from Sep. 2014 to Oct. 2015 to investigate the performance and chemical

¹ Trường Đại học Tây Bắc

² Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

³ Viện Chăn nuôi

* Tác giả để liên hệ: Ths. Vũ Thị Đức - Giảng viên Trường Đại học Tây Bắc, Tổ 2 Phường Quyết Tâm, Thành Phố Sơn La. Điện thoại: 0948 355 398/0983502688, email: vuthiduc@gmail.com